

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và
các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	4103006066	ngày 8 tháng 2 năm 2007
Đăng ký Doanh Nghiệp số	4103006066	ngày 29 tháng 6 năm 2009
	0301445210	ngày 6 tháng 7 năm 2011
	0301445210	ngày 15 tháng 4 năm 2013
	0301445210	ngày 26 tháng 8 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp số 0301445210 vào ngày 26 tháng 8 năm 2014. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Quyết định cổ phần hóa	3241/QĐ-BCN	ngày 14 tháng 11 năm 2006
-------------------------------	-------------	---------------------------

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Đức Khiêm Ông Nguyễn Hữu Phú Ông Diêu Chí Hào Bà Trần Thị Thanh Phương Ông Lê Thiết Hùng	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
--------------------------	---	--

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Đức Khiêm Ông Nguyễn Hữu Phú Ông Lê Thiết Hùng	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Kế toán trưởng
--------------------------	---	--

Trụ sở đăng ký	127 Đường Lê Văn Chí Phường Linh Trung Quận Thủ Đức Việt Nam
-----------------------	---

Đơn vị kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
-------------------------	-------------------------------

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 49 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

VIỆT THẮNG
CTCP

Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 4 năm 2015



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 9 tháng 4 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến trang 49.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 14-02-239-h




Lam Thi Ngoc Hao

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0866-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chun

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0863-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 4 năm 2015

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		923.988.183.966	705.302.044.461
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	116.564.985.427	57.578.076.285
Tiền	111		73.564.985.427	32.578.076.285
Các khoản tương đương tiền	112		43.000.000.000	25.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	25.000.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		-	25.000.000.000
Các khoản phải thu	130	5	296.713.162.742	241.993.136.957
Phải thu khách hàng	131		279.440.684.290	211.083.126.016
Trả trước cho người bán	132		10.846.578.735	20.967.931.162
Các khoản phải thu khác	135		7.142.253.235	10.762.694.285
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(716.353.518)	(820.614.506)
Hàng tồn kho	140	6	454.522.257.571	365.071.056.450
Tài sản ngắn hạn khác	150		56.187.778.226	15.659.774.769
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.780.758.718	548.265.191
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		46.387.560.956	5.012.280.908
Tài sản ngắn hạn khác	158		7.019.458.552	10.099.228.670
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		815.877.278.213	365.949.410.562
Tài sản cố định	220		784.022.724.803	334.964.437.426
Tài sản cố định hữu hình	221	7	699.437.963.235	329.713.403.971
Nguyên giá	222		1.329.857.047.088	921.329.728.037
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(630.419.083.853)	(591.616.324.066)
Tài sản cố định vô hình	227	8	-	-
Nguyên giá	228		889.772.808	889.772.808
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(889.772.808)	(889.772.808)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	84.584.761.568	5.251.033.455
Bất động sản đầu tư	240	10	582.943.397	812.246.658
Nguyên giá	241		26.436.678.414	26.557.628.414
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(25.853.735.017)	(25.745.381.756)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	19.229.971.833	21.085.563.096
Đầu tư vào các công ty liên doanh	252		9.561.206.962	11.516.798.225
Đầu tư dài hạn khác	258		10.350.000.000	10.350.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(681.235.129)	(781.235.129)
Tài sản dài hạn khác	260		12.041.638.180	9.087.163.382
Chi phí trả trước dài hạn	261		11.694.388.764	8.683.570.531
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	28	55.249.416	151.528.851
Tài sản dài hạn khác	268		292.000.000	252.064.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.739.865.462.179	1.071.251.455.023
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.172.538.668.152	560.283.174.633
Nợ ngắn hạn	310		929.101.182.365	554.331.006.855
Vay và nợ ngắn hạn	311	12	639.567.706.225	293.875.499.635
Phải trả người bán	312	13	150.048.044.961	113.665.963.041
Người mua trả tiền trước	313		5.964.584.579	5.863.046.985
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	8.023.326.687	11.922.395.460
Phải trả người lao động	315		58.660.528.497	66.007.972.622
Chi phí phải trả	316		1.193.109.923	936.015.203
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	58.418.663.493	54.978.626.746
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		7.225.218.000	7.081.487.163
Vay và nợ dài hạn	330		243.437.485.787	5.952.167.778
Phải trả dài hạn khác	333		210.000.000	190.000.000
Vay dài hạn	334	16	243.227.485.787	5.762.167.778

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		494.933.505.751	448.134.676.185
Vốn chủ sở hữu	410	17	494.933.505.751	448.134.676.185
Vốn cổ phần	411	18	210.000.000.000	200.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.062.727.273	2.172.727.273
Quỹ đầu tư phát triển	417	19	57.446.348.207	55.947.556.557
Quỹ dự phòng tài chính	418	19	6.939.295.571	6.722.903.277
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		634.786.078	634.786.078
Lợi nhuận chưa phân phối	420		216.850.348.622	182.656.703.000
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	20	72.393.288.276	62.833.604.205
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		1.739.865.462.179	1.071.251.455.023

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014	31/12/2013
Ngoại tệ - USD	1.557.893	70.227

Ngày 9 tháng 4 năm 2015

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2014

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
Tổng doanh thu	01	22	2.334.226.226.620	2.033.374.609.806
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	3.513.046.223	1.110.330.655
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	22	2.330.713.180.397	2.032.264.279.151
Giá vốn hàng bán	11	23	2.043.358.292.130	1.775.730.720.765
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		287.354.888.267	256.533.558.386
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	11.100.716.371	7.473.731.661
Chi phí tài chính	22	25	30.040.987.722	15.488.724.940
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>18.126.413.315</i>	<i>9.476.027.716</i>
Chi phí bán hàng	24		32.675.612.281	32.344.326.574
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		109.614.042.639	102.201.414.532
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		126.124.961.996	113.972.824.001
Thu nhập khác	31	26	26.052.684.138	16.499.252.430
Chi phí khác	32	27	24.263.145.886	15.114.069.814
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.789.538.252	1.385.182.616
Lợi nhuận/(lỗ) được chia từ công ty liên doanh	41	11	2.469.408.737	(6.529.602.494)
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)	50		130.383.908.985	108.828.404.123
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	27.995.869.413	24.396.141.891
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	96.279.435	59.079.435
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		102.291.760.137	84.373.182.797

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		102.291.760.137	84.373.182.797
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61	21	6.487.038.338	3.884.794.319
Chủ sở hữu của Công ty	62		95.804.721.799	80.488.388.478
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	4.708	4.024

Ngày 9 tháng 4 năm 2015

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Mã Thuyết số minh	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	130.383.908.985	108.828.404.123
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	68.086.033.602	61.221.337.632
Các khoản dự phòng	03	(204.260.988)	257.668.087
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện, thuận	04	2.111.974.647	693.674.207
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	05	(5.405.496.300)	(4.861.800.817)
(Lợi nhuận)/lỗ từ công ty liên doanh	05	(2.469.408.737)	6.529.602.494
Chi phí lãi vay	06	18.126.413.315	9.476.027.716
Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	210.629.164.524	182.144.913.442
Biến động các khoản phải thu	09	(91.776.817.774)	(62.869.619.146)
Biến động hàng tồn kho	10	(88.744.943.194)	(61.002.276.611)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11	30.728.797.807	33.495.018.693
Biến động chi phí trả trước	12	(5.243.311.760)	(2.681.261.837)
		55.592.889.603	89.086.774.541
Tiền lãi vay đã trả	13	(18.026.582.191)	(9.503.800.854)
Thuế thu nhập đã nộp	14	(32.879.577.659)	(19.723.371.961)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(8.502.161.396)	(19.110.050.304)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	(3.815.431.643)	40.749.551.422
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(517.890.281.568)	(49.475.979.694)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.431.247.338	310.454.545
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(15.100.000.000)	(25.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	40.100.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(9.000.000.000)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Mã Thuyết số minh	2014 VND	2013 VND
Tiền tăng do hợp nhất công ty con	26	385.577.674	-
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27	7.514.091.202	4.554.610.852
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(483.559.365.354)	(78.610.914.297)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	10.890.000.000	-
Tiền thu từ vốn góp ở công ty con bởi các cổ đông thiểu số	31	6.134.250.000	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	1.932.388.640.313	969.068.721.173
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.351.144.329.928)	(914.800.669.846)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông của Công ty	36	(49.957.737.500)	(27.724.212.876)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông thiểu số	36	(1.909.250.000)	(1.909.250.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	546.401.572.885	24.634.588.451
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	59.026.775.888	(13.226.774.424)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	57.578.076.285	70.884.379.919
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(39.866.746)	(79.529.210)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	116.564.985.427	57.578.076.285

Ngày 9 tháng 4 năm 2015

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Các hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất và nguyên vật liệu xây dựng (trừ hóa chất độc hại mạnh); xây dựng dân dụng và công nghiệp; kinh doanh bất động sản; lắp đặt máy móc ngành thiết bị công nghiệp, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Sau đây là danh sách các công ty con, công ty liên doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

Tên	Địa chỉ	Hợp nhất	31/12/2014 % sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2013 % sở hữu và quyền biểu quyết
Công ty con				
Công ty cổ phần May Việt Thắng	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	52,27%	52,27%
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	58,55%	58,55%
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	52,27%	-

Hoạt động chính của Công ty Cổ phần May Việt Thắng là sản xuất và mua bán sản phẩm may mặc, may và in sợi, vải (phục vụ sản xuất nội bộ), thêu và giặt; mua bán nguyên phụ liệu và hóa chất (trừ hóa chất độc hại), mua bán phụ tùng, máy móc thiết bị may mặc.

Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An là sản xuất và mua bán phụ liệu ngành dệt may; sản xuất mua bán nguyên phụ liệu máy móc thiết bị phụ tùng ngành in, nhuộm; gia công in nhuộm vải; cho thuê kho bãi và đại lý ký gửi hàng hóa.

Hoạt động chính của Công ty Thời trang Hiệp Thắng là sản xuất và mua bán sản phẩm may mặc, may và in sợi, vải (phục vụ sản xuất nội bộ), thêu và giặt; mua bán phụ tùng, máy móc thiết bị may mặc.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tên	Địa chỉ		31/12/2014 % sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2013 % sở hữu và quyền biểu quyết
Công ty liên doanh		Hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu		
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh	96 Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	20,00%	20,00%

Tổng vốn điều lệ của Công ty được quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là 210.000.000.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn có 3.614 nhân viên (31/12/2013: 3.033 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một công ty con để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty con đó. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát cho tới ngày kết thúc quyền kiểm soát.

(ii) Công ty liên doanh

Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động (sau đây gọi là “Công ty liên doanh”). Công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên doanh, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên doanh mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên doanh, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên doanh.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư của giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ trong Tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ phát sinh từ các giao dịch với công ty liên doanh được loại trừ trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên doanh.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào các công ty mà Tập đoàn không nắm quyền kiểm soát, quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư xuống thấp hơn nguyên giá hoặc khi đơn vị nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 38 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 9 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyên	6 – 8 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và bất kỳ chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	8 – 16 năm
-----------	------------

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và công ty liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(m) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phát sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phát sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

Đầu tư vốn dài hạn được phân loại là tài sản sẵn sàng để bán. Các tài sản tài chính khác thuộc nhóm cho vay và phải thu.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Tất cả nợ phải trả tài chính trên bảng cân đối kế toán đều nằm trong nhóm nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) *Vốn chủ sở hữu*

(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần*

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Phần vốn góp lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) *Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu*

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

(q) *Doanh thu*

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) *Dịch vụ gia công*

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) *Doanh thu cho thuê*

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(r) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(s) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(v) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có các cổ phiếu có tác dụng suy giảm tiềm năng.

(w) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dệt may và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(x) Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan của Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	693.201.291	262.451.568
Tiền gửi ngân hàng	72.871.784.136	29.315.624.717
Tiền đang chuyển	-	3.000.000.000
Các khoản tương đương tiền	43.000.000.000	25.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	116.564.985.427	57.578.076.285
	<hr/>	<hr/>

5. Các khoản phải thu

Chi tiết phải thu khách hàng gồm:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu công ty liên doanh	1.017.340.514	802.517.434
Phải thu các bên liên quan	2.177.993.376	21.144.120.698
Phải thu các bên thứ ba	276.245.350.400	189.136.487.884
	<hr/>	<hr/>
	279.440.684.290	211.083.126.016
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Lãi phải thu	280.900.000	670.913.890
Cổ tức phải thu từ các bên liên quan	4.880.922.000	3.010.922.000
Phải thu khác	1.980.431.235	7.080.858.395
	<hr/>	<hr/>
	7.142.253.235	10.762.694.285
	<hr/>	<hr/>

6. Hàng tồn kho

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	26.070.005.157	34.165.089.566
Nguyên vật liệu	100.146.565.466	62.512.791.234
Công cụ và dụng cụ	52.982.898	31.854.453
Sản phẩm dở dang	57.672.127.362	34.326.189.224
Thành phẩm	232.314.831.046	209.329.943.415
Hàng hóa	23.179.083.600	7.458.742.007
Hàng gửi đi bán	15.086.662.042	17.246.446.551
	<hr/>	<hr/>
	454.522.257.571	365.071.056.450
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 6 triệu USD, tương đương 126.180 triệu VND (31/12/2013: 126.180 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (xem Thuyết minh 12).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	132.231.504.334	957.654.706	774.968.443.731	13.172.125.266	921.329.728.037
Tăng do hợp nhất công ty con	-	-	44.564.500	-	44.564.500
Tăng trong năm	8.234.112.224	-	21.165.797.578	-	29.399.909.802
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	64.667.189.343	64.000.000	342.545.454.310	1.880.000.000	409.156.643.653
Thanh lý	(1.348.455.790)	-	(27.871.060.814)	(854.282.300)	(30.073.798.904)
Số dư cuối năm	203.784.350.111	1.021.654.706	1.110.853.199.305	14.197.842.966	1.329.857.047.088
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	83.382.474.645	600.020.721	499.444.789.543	8.189.039.157	591.616.324.066
Khấu hao trong năm	8.143.599.555	120.568.069	57.968.740.390	1.623.822.327	67.856.730.341
Thanh lý	(1.348.455.790)	-	(26.851.232.464)	(854.282.300)	(29.053.970.554)
Số dư cuối năm	90.177.618.410	720.588.790	530.562.297.469	8.958.579.184	630.419.083.853
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	48.849.029.689	357.633.985	275.523.654.188	4.983.086.109	329.713.403.971
Số dư cuối năm	113.606.731.701	301.065.916	580.290.901.836	5.239.263.782	699.437.963.235

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 283.712 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (31/12/2013: 260.611 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 53.144 triệu VND (31/12/2013: 49.994 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

8. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	889.772.808
Tăng trong năm	-
	<hr/>
Số dư cuối năm	889.772.808
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	889.772.808
Khấu hao trong năm	-
	<hr/>
Số dư cuối năm	889.772.808
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	-
Số dư cuối năm	-
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 889 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (31/12/2013: 889 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	2014	2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	5.251.033.455	458.545.455
Tăng trong năm	488.490.371.766	31.357.953.115
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(409.156.643.653)	(26.565.465.115)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	84.584.761.568	5.251.033.455
	<hr/>	<hr/>

10. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa
	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	26.557.628.414
Thanh lý	(120.950.000)
	<hr/>
Số dư cuối năm	26.436.678.414
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	25.745.381.756
Khấu hao trong năm	229.303.261
Thanh lý	(120.950.000)
	<hr/>
Số dư cuối năm	25.853.735.017
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	812.246.658
Số dư cuối năm	582.943.397
	<hr/>

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn bao gồm các bất động sản cho thuê tạo thu nhập.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tập đoàn và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số lượng	31/12/2014		VND	Số lượng	31/12/2013		VND
		% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết			% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	
Đầu tư góp vốn liên doanh								
• Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	-	50,00%	50,00%	9.561.206.962	-	50,00%	50,00%	11.516.798.225
• Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh	900.000	20,00%	20,00%	-	900.000	20,00%	20,00%	-
				9.561.206.962				11.516.798.225
Đầu tư dài hạn khác								
• Công ty TNHH Dệt Việt Phú	-	12,00%	12,00%	3.600.000.000	-	12,00%	12,00%	3.600.000.000
• Công ty Cổ phần Thương mại Chọn	75.000	4,36%	4,36%	750.000.000	75.000	4,36%	4,36%	750.000.000
• Công ty Cổ phần Đầu tư Ngôi sao Gia Định	500.000	5,00%	5,00%	5.000.000.000	500.000	5,00%	5,00%	5.000.000.000
• Công ty Cổ phần Phong Việt	100.000	10,00%	10,00%	1.000.000.000	100.000	10,00%	10,00%	1.000.000.000
				10.350.000.000				10.350.000.000
				19.911.206.962				21.866.798.225
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				(681.235.129)				(781.235.129)
				19.229.971.833				21.085.563.096

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Biến động các khoản đầu tư vào công ty liên doanh trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	11.516.798.225	9.046.400.719
Tăng trong năm	-	9.000.000.000
Lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên doanh	2.469.408.737	(6.529.602.494)
Quỹ khen thưởng phúc lợi	(425.000.000)	-
Cổ tức đã chia	(4.000.000.000)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	9.561.206.962	11.516.798.225

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	781.235.129	858.349.029
Tăng dự phòng trong năm	-	165.886.100
Hoàn nhập	(100.000.000)	(243.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	681.235.129	781.235.129

12. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	626.803.653.745	290.034.054.450
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 16)	12.764.052.480	3.841.445.185
	<hr/>	<hr/>
	639.567.706.225	293.875.499.635

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	Năm đáo hạn	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
<i>NHTMCP Ngoại thương Việt Nam</i>					
Khoản vay 1	USD	5,3% - 6,5%	2015	103.006.480.551	102.254.780.772
Khoản vay 2	USD	2,1% - 2,8%	2015	93.971.692.368	38.019.748.239
Khoản vay 3	USD	2,80%	2015	91.410.324.574	51.025.267.125
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>					
Khoản vay 6	VND	7,5% - 10,0%	2015	12.364.848.880	4.949.595.005
Khoản vay 7	USD	2,8%	2015	34.503.738.343	-
Khoản vay 8	VND	5,0% - 6,5%	2015	105.414.902.270	-
<i>Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)</i>					
Khoản vay 9	USD	2,1% - 2,8%	2015	19.746.530.535	45.799.222.532
Khoản vay 10	VND	2,5%	2015	24.102.939.634	37.070.370.303
Khoản vay 11	USD	4,9% - 5,5%	2015	24.806.791.080	-
<i>Ngân hàng ANZ</i>					
Khoản vay 12	USD	2,7%	2015	19.865.974.994	10.915.070.474
<i>Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam</i>					
Khoản vay 13	USD	2,2% - 2,5%	2015	17.372.392.380	-
Khoản vay 14	USD	2,7%	2015	17.405.129.636	-
<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng</i>					
Khoản vay 15	USD	2,2% - 2,5%	2015	33.614.299.284	-
<i>Ngân hàng Far East National Bank CN TP.HCM</i>					
Khoản vay 16	USD	2%	2015	29.217.609.216	-
				626.803.653.745	290.034.054.450

Khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 6 triệu USD, tương đương 126.180 triệu VND (31/12/2013: 126.180 triệu VND) và tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 53.144 triệu VND (31/12/2013: 49.994 triệu VND) (Thuyết minh 7).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

13. Phải trả người bán

Phải trả người bán bao gồm:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải trả các bên liên quan	26.865.918.743	16.179.933.003
Phải trả các bên thứ ba	123.182.126.218	97.486.030.038
	150.048.044.961	113.665.963.041

Khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày từ ngày xuất hóa đơn.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	980.558.659	380.904.584
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.200.151.825	11.328.936.087
Thuế thu nhập cá nhân	821.972.643	201.687.359
Thuế tài nguyên	20.643.560	10.867.430
	8.023.326.687	11.922.395.460

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Kinh phí công đoàn	813.644.148	798.767.747
Bảo hiểm xã hội	-	33.672.148
Cổ tức phải trả	55.633.715.000	52.065.702.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.971.304.345	2.080.484.351
	58.418.663.493	54.978.626.746

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

16. Vay dài hạn

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay dài hạn	255.991.538.267	9.603.612.963
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 12)	(12.764.052.480)	(3.841.445.185)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	243.227.485.787	5.762.167.778
	<hr/>	<hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	Năm đáo hạn	31/12/2014	31/12/2013
				VND	VND
<i>Khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>					
Khoản vay 1	USD	6,5%	2016	1.945.259.857	9.603.612.963
<i>Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam</i>					
Khoản vay 2	USD	4,0% - 4,5%	2020	117.394.225.930	-
<i>Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</i>					
Khoản vay 3	USD	4,3%	2022	136.652.052.480	-
				<hr/>	<hr/>
				255.991.538.267	9.603.612.963
				<hr/>	<hr/>

Khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 53.144 triệu VND (31/12/2013: 49.994 triệu VND) (Thuyết minh 7).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	200.000.000.000	2.172.727.273	54.578.008.108	6.519.561.990	634.786.078	173.636.018.892	437.541.102.341
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	80.488.388.478	80.488.388.478
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	1.369.548.449	203.341.287	-	(1.572.889.736)	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(19.894.814.634)	(19.894.814.634)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	-	(50.000.000.000)	(50.000.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	200.000.000.000	2.172.727.273	55.947.556.557	6.722.903.277	634.786.078	182.656.703.000	448.134.676.185
Vốn góp trong năm	10.000.000.000	890.000.000	-	-	-	-	10.890.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	95.804.721.799	95.804.721.799
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	1.498.791.650	216.392.294	-	(1.715.183.944)	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(8.645.892.233)	(8.645.892.233)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	-	(51.250.000.000)	(51.250.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	210.000.000.000	3.062.727.273	57.446.348.207	6.939.295.571	634.786.078	216.850.348.622	494.933.505.751

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

18. Vốn cổ phần

Cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	9.855.000	98.550.000.000	9.855.000	98.550.000.000
Các cổ đông khác	11.145.000	111.450.000.000	10.145.000	101.450.000.000
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	21.000.000	210.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Xem thuyết minh 17 về biến động vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần trong năm.

19. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh. Khi quỹ này được sử dụng để mở rộng hoạt động kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

20. Lợi ích cổ đông thiểu số

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Số dư đầu năm	62.833.604.205	61.226.244.927
Tăng do mua công ty con trong năm	1.625.000.000	-
Vốn góp trong năm	6.134.250.000	-
Lợi nhuận thuần trong năm	6.487.038.338	3.884.794.319
Quỹ khen thưởng và phúc lợi tính cho lợi ích cổ đông thiểu số	(476.604.267)	(368.185.041)
Cổ tức	(4.210.000.000)	(1.909.250.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	72.393.288.276	62.833.604.205

21. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 15 tháng 4 năm 2014 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 51.250 triệu VND (2013: 50.000 triệu VND) từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2014.

22. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần bao gồm:

	2014 VND	2013 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.690.816.593.717	1.478.261.871.392
▪ Bán hàng hóa	622.952.093.268	519.748.964.718
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	9.069.406.820	12.752.670.980
▪ Cung cấp dịch vụ	11.388.132.815	22.611.102.716
	<hr/>	<hr/>
	2.334.226.226.620	2.033.374.609.806
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(232.830.757)	(582.004.710)
▪ Hàng bán bị trả lại	(3.280.215.466)	(528.325.945)
	<hr/>	<hr/>
	(3.513.046.223)	(1.110.330.655)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	2.330.713.180.397	2.032.264.279.151

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

23. Giá vốn hàng bán

	2014 VND	2013 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	1.244.623.674.073	1.257.338.235.264
▪ Hàng hoá đã bán	787.255.612.088	508.387.503.529
▪ Bất động sản đầu tư cho thuê	2.535.284.242	1.265.498.891
▪ Dịch vụ đã cung ứng	8.943.721.727	8.739.483.081
	2.043.358.292.130	1.775.730.720.765

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi		
▪ Các bên liên quan	16.177.778	1.837.813.124
▪ Các bên thứ ba	637.791.121	-
▪ Ngân hàng	3.180.108.413	1.817.961.618
Thu nhập từ cổ tức	1.160.000.000	1.080.000.000
Tiền phạt do khách hàng chậm thanh toán	2.729.177.870	2.014.847.971
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.861.393.589	664.651.032
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.516.067.600	58.457.916
	11.100.716.371	7.473.731.661

25. Chi phí tài chính

	2014 VND	2013 VND
Chi phí lãi vay	18.126.413.315	9.476.027.716
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	165.886.100
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	(243.000.000)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.286.532.160	5.337.679.001
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.628.042.247	752.132.123
	30.040.987.722	15.488.724.940

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

26. Thu nhập khác

	2014	2013
	VND	VND
Bán phế liệu	17.867.108.613	9.579.591.321
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	1.431.247.338	310.454.545
Thu phí tiền điện từ các công ty liên quan	1.813.753.201	1.985.040.087
Hoàn nhập dự phòng đầu tư	100.000.000	-
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	50.771.000	-
Thu nhập khác	4.789.803.986	4.624.166.477
	<hr/>	<hr/>
	26.052.684.138	16.499.252.430
	<hr/>	<hr/>

27. Chi phí khác

	2014	2013
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình thanh lý	1.019.828.350	14.598.074
Chi phí tiền điện cho các công ty liên quan	993.661.291	1.076.600.240
Chi phí bán phế liệu	17.073.836.759	9.048.708.555
Chi phí phạt	751.821.010	-
Chi phí khác	4.423.998.476	4.974.162.945
	<hr/>	<hr/>
	24.263.145.886	15.114.069.814
	<hr/>	<hr/>

28. Thuế thu nhập

(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận đối với:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản cố định	55.249.416	132.928.851
Chi phí phải trả	-	18.600.000
	<hr/>	<hr/>
	55.249.416	151.528.851
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2014 VND	2013 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	27.705.663.751	24.388.586.575
Dự phòng thiếu trong những năm trước	290.205.662	7.555.316
	<hr/> 27.995.869.413	<hr/> 24.396.141.891
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	96.279.435	59.079.435
	<hr/> 28.092.148.848	<hr/> 24.455.221.326

(c) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	130.383.908.985	108.828.404.123
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	28.684.459.977	27.207.101.031
Ưu đãi thuế	(889.873.968)	(4.765.791.729)
Chi phí không được khấu trừ thuế	805.827.099	2.276.356.708
Thu nhập không bị tính thuế	(798.469.922)	(270.000.000)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	290.205.662	7.555.316
	<hr/> 28.092.148.848	<hr/> 24.455.221.326

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(d) Thuế suất áp dụng

Công ty

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% (2013: 25%) trên lợi nhuận tính thuế và được hưởng ưu đãi thuế suất 20% trong 10 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (năm 2007). Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong hai năm 2007 và 2008 và giảm 50% thuế thu nhập trong ba năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2011). Toàn bộ các khoản miễn và giảm thuế không áp dụng cho thu nhập khác mà thu nhập này chịu mức thuế suất là 22% (2013: 25%).

Các công ty con

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty Cổ phần May Việt Thắng có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% (2013: 25%) trên lợi nhuận chịu thuế và được giảm 20% thuế thu nhập trong mười năm kể từ năm đầu hoạt động kinh doanh (2006). Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm 2006 và 2007 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba năm tiếp theo (2008 đến 2010). Toàn bộ các khoản miễn và giảm thuế không áp dụng cho thu nhập khác mà thu nhập này chịu mức thuế suất là 22% (2013: 25%).

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% (2013: 25%) trên lợi nhuận tính thuế.

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% (2013: 25%) trên lợi nhuận tính thuế.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư sẽ không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, mà do bên nhận đầu tư đã tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2014	2013
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	95.804.721.799	80.488.388.478

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2014	2013
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	20.000.000	20.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành vào ngày 26 tháng 8 năm 2014	347.945	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	20.347.945	20.000.000

30. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	115.871.784.136	54.315.624.717
Các khoản đầu tư ngắn hạn	(ii)	-	25.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác, thuần	(iii)	285.866.584.007	221.025.205.795
		401.738.368.143	300.340.830.512

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng, tiền gửi có kỳ hạn được trình bày như các khoản đầu tư ngắn hạn của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(iii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác thể hiện mức độ rủi ro tín dụng tối đa liên quan đến các tài sản tài chính này.

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng từ 7 ngày đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn. Nếu quá thời hạn hoàn trả các khoản phải thu đó chịu lãi suất dao động mỗi tháng từ 0,6% đến 0,9%. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 45 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Tập đoàn tin rằng, ngoài số dự phòng đã lập, Tập đoàn không cần lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	Gộp 31/12/2014 VND	Dự phòng phải thu khó đòi 31/12/2014 VND
Trong hạn	216.702.095.944	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	35.631.709.479	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	31.950.795.661	-
Quá hạn trên 180 ngày	2.298.336.441	(716.353.518)
	286.582.937.525	(716.353.518)

	Gộp 31/12/2013 VND	Dự phòng phải thu khó đòi 31/12/2013 VND
Trong hạn	134.469.017.610	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	57.611.435.640	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	26.592.097.394	-
Quá hạn trên 180 ngày	3.173.269.657	(820.614.506)
	221.845.820.301	(820.614.506)

Biến động của dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	820.614.506	485.832.519
Tăng dự phòng trong năm	-	334.781.987
Hoàn nhập	(104.260.988)	-
	716.353.518	820.614.506

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay ngắn hạn	626.803.653.745	638.022.997.330	638.022.997.330	-	-	-
Phải trả người bán	150.048.044.961	150.048.044.961	150.048.044.961	-	-	-
Phải trả người lao động	58.660.528.497	58.660.528.497	58.660.528.497	-	-	-
Chi phí phải trả	1.193.109.923	1.193.109.923	1.193.109.923	-	-	-
Phải trả khác	58.418.663.493	58.418.663.493	58.418.663.493	-	-	-
Vay dài hạn	255.991.538.267	290.199.186.867	39.267.554.546	111.223.086.209	133.089.200.779	6.619.345.333
	1.151.115.538.886	1.196.542.531.071	945.610.898.750	111.223.086.209	133.089.200.779	6.619.345.333

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay ngắn hạn	290.034.054.450	293.166.578.380	293.166.578.380	-	-	-
Phải trả người bán	113.665.963.041	113.665.963.041	113.665.963.041	-	-	-
Phải trả người lao động	66.007.972.622	66.007.972.622	66.007.972.622	-	-	-
Chi phí phải trả	936.015.203	936.015.203	936.015.203	-	-	-
Phải trả khác	54.978.626.746	54.978.626.746	54.978.626.746	-	-	-
Vay dài hạn	9.603.612.963	10.289.972.523	4.305.307.460	4.052.744.468	1.931.920.595	-
	535.226.245.025	539.045.128.515	533.060.463.452	4.052.744.468	1.931.920.595	-

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán, và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ của các đơn vị Tập đoàn, là tiền VND. Đơn vị tiền tệ của những giao dịch này chủ yếu là USD.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn có các khoản tài sản/nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.557.893	70.227
Phải thu khách hàng	6.091.810	3.041.227
Phải trả người bán	(3.137.609)	(2.708.035)
Vay ngắn hạn	(17.893.986)	(8.672.021)
Vay dài hạn	(11.984.431)	(454.394)
Nợ phải trả tiền tệ khác	-	(129.500)
	(25.366.323)	(8.852.496)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
1 USD	21.360	21.080

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần sau thuế VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
USD (mạnh thêm 1%) – giảm lợi nhuận thuần	(4.226.232.342)
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
USD (mạnh thêm 1%) – giảm lợi nhuận thuần	(1.399.579.618)

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	43.000.000.000	25.000.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	-	25.000.000.000
Vay ngắn hạn	-	(99.010.707.902)
	43.000.000.000	(49.010.707.902)
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	72.871.784.136	29.315.624.717
Vay ngắn hạn	(626.803.653.745)	(191.023.346.548)
Vay dài hạn	(255.991.538.267)	(9.603.612.963)
	(809.923.407.876)	(171.311.334.794)

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 6.317.402.581 VND lợi nhuận thuần của Tập đoàn (2013: 1.284.835.011 VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính chỉ dùng cho mục đích thuyết minh. Các chính sách sau được dùng để ước tính giá trị hợp lý của mỗi loại công cụ tài chính như sau:

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, vay ngắn hạn.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính này xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ của chúng do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này.

(ii) Vay dài hạn và đầu tư vốn dài hạn

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

31. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	2014	2013
	VND	VND
Các khoản phải thu tăng do hợp nhất công ty con	660.000.000	-
Hàng tồn kho tăng do hợp nhất công ty con	706.257.927	-
Tài sản ngắn hạn khác tăng do hợp nhất công ty con	143.617.050	-
Tài sản cố định tăng do hợp nhất công ty con	44.564.500	-
Nợ phải trả ngắn hạn tăng do hợp nhất công ty con	(315.017.151)	-

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	2014 VND	2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty liên doanh				
Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I				
Doanh thu gia công	15.214.300	15.384.200	-	802.517.434
Thu nhập cho thuê	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-
Thu nhập khác	2.783.187.289	2.414.961.606	1.017.340.514	-
Phân phối cổ tức	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)	-	(1.000.000.000)
Thu nhập cổ tức	4.000.000.000	-	3.800.922.000	1.930.922.000
Mua hàng hóa	(285.068.533)	(353.874.789)	-	-
Cho vay	(4.100.000.000)	-	-	-
Thu nhập lãi cho vay	16.177.778	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may TP. Hồ Chí Minh				
Bán thành phẩm	1.515.464.300	15.849.444.356	-	1.138.483.830
Doanh thu gia công	-	133.194.941	-	-
Mua hàng hóa	(6.130.175.053)	(51.384.460.466)	-	-

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	2014 VND	2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các bên liên quan khác				
Công ty TNHH Dệt Việt Phú				
Bán thành phẩm	201.447.049.599	211.569.027.806	-	18.392.521.876
Bán dụng cụ và phụ tùng	7.814.723.260	9.339.941.950	-	-
Thu nhập cho thuê	5.876.181.820	5.876.181.820	-	-
Thu nhập khác	1.012.601.212	950.242.580	-	-
Mua hàng hóa	(441.520.272.301)	(406.605.562.518)	(26.852.700.236)	(15.981.569.414)
Lãi trả chậm	647.879.178	705.046.672	-	-
Thu nhập cổ tức	1.080.000.000	1.080.000.000	1.080.000.000	1.080.000.000
Tập đoàn Dệt may Việt Nam				
Phí thành viên	-	(140.000.000)	-	-
Phân phối cổ tức	(24.637.500.000)	(24.637.500.000)	(24.637.500.000)	(24.637.500.000)
Phí kiểm toán	188.181.818	(113.636.364)	-	-
Góp vốn	-	9.000.000.000	-	-
Phí đào tạo	41.650.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương				
Bán thành phẩm	13.797.976.901	3.297.838.600	1.094.025.798	509.936.680
Doanh thu gia công	-	2.480.400	-	-
Dịch vụ gia công	(432.347.970)	-	-	-
Công ty cổ phần Sợi Phú Bài				
Bán thành phẩm	-	820.116.360	-	-

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	2014 VND	2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty Cổ phần Len sợi Việt Nam				
Bán thành phẩm	1.142.553.250	-	460.715.933	-
Mua hàng hóa	(647.521.734)	-	(5.218.125)	-
Dịch vụ gia công	(647.732.000)	(692.316.630)	-	(21.375.750)
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ				
Bán thành phẩm	493.550.500	176.173.980	-	-
Mua hàng hóa	(1.428.205.766)	(3.362.257.272)	-	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú				
Bán thành phẩm	-	224.543.150	-	2.394.340
Doanh thu gia công	697.645.340	1.371.011.210	122.715.834	-
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP				
Bán thành phẩm	3.272.168.000	1.661.071.250	379.299.300	157.337.400
Doanh thu gia công	172.984.805	-	-	-
Công ty TNHH MTV Dệt 8-3				
Bán thành phẩm	1.415.750.000	3.168.644.375	-	128.918.119
Doanh thu gia công	1.024.355.740	237.859.040	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Ngôi sao Gia Định				
Thu nhập cho thuê	-	11.402.496	-	-
Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban quản lý				
Lương và thưởng	6.989.991.176	5.788.575.420	-	-

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

33. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải thu cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	3.396.827.594	9.026.910.390
Từ hai đến năm năm	3.251.273.527	3.935.933.648
Trên năm năm	10.953.142.800	11.563.043.200
	17.601.243.921	24.525.887.238

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.302.959.528.784	1.514.154.556.148
Chi phí nhân công	299.831.404.770	274.325.865.865
Chi phí khấu hao	68.086.033.602	61.221.337.632
Chi phí khác	377.851.984.686	82.106.735.395

Ngày 9 tháng 4 năm 2015

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc